

DI CƯ LAO ĐỘNG CỦA NGƯỜI KHMER Ở THỊ XÃ TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG HIỆN NAY

ThS. Vũ Thị Hải Hà
Viện Nghiên cứu Đông Nam Á
Email: vuha.iseas@gmail.com

Tóm tắt: Trong khoảng hai thập kỉ gần đây, bên cạnh các hoạt động sinh kế truyền thống, di cư lao động đã và đang trở thành một chiến lược sinh kế mới của người Khmer ở các tỉnh Tây Nam Bộ nước ta. Tại thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang, xu hướng đi làm ăn xa, đặc biệt là di cư về các thành phố, các khu công nghiệp nội địa tìm việc làm ngày càng phổ biến trong cộng đồng người Khmer. Ở một số ấp, khóm thuộc thị xã Tịnh Biên, tỉ lệ di cư lao động này ở mức khá cao (khoảng trên dưới 30%). Dựa trên kết quả điền dã dân tộc học và điều tra bảng hỏi tại ba ấp/khóm thuộc xã Văn Giáo và phường An Phú của thị xã Tịnh Biên vào tháng 12/2022 và tháng 6/2023, bài viết làm rõ thực trạng di cư lao động và lí giải các nguyên nhân dẫn đến thực trạng này.

Từ khóa: Di cư lao động, người Khmer, Tịnh Biên, An Giang.

Abstract: Over the past two decades, alongside traditional livelihood activities, labour migration has emerged as a new strategy for the Khmer people in the Southwestern provinces of Vietnam. In Tinh Bien town, An Giang province, the trend of working far from home, particularly migrating to cities and inland industrial zones searching for employment, has gained popularity within the Khmer community. In certain hamlets and clusters in Tinh Bien town, the rate of labour migration is relatively high, accounting for approximately 30% of the Khmer population. Drawing on the findings of ethnographic fieldwork and a questionnaire survey conducted in three hamlets and clusters in Van Giao commune and An Phu ward of Tinh Bien town in December 2022 and June 2023, this article aims to elucidate the Khmer migration situation and provide an explanation for the underlying reasons.

Keywords: Labor migration, Khmer people, Tinh Bien, An Giang.

Ngày nhận bài: 22/10/2023; ngày gửi phản biện: 2/11/2023; ngày duyệt đăng: 24/11/2023.

Mở đầu

Với hơn 1,3 triệu người¹ (Tổng cục Thống kê, 2020, tr. 43), người Khmer là một trong những tộc người thiểu số có dân số đông ở Việt Nam, cư trú chủ yếu ở các tỉnh Tây Nam Bộ.

¹ Số liệu tính đến thời điểm ngày 1/4/2019.

Trong nhiều thập kỉ qua, đói nghèo vẫn luôn là một vấn đề cấp bách và trở thành một rào cản lớn đối với quá trình phát triển của người Khmer nơi đây. Kể từ đầu những năm 2000, để giải quyết vấn đề đói nghèo và đa dạng hóa nguồn sinh kế, bên cạnh các hoạt động sinh kế truyền thống, di cư lao động đã và đang trở thành một chiến lược sinh kế mới của người Khmer ở Tây Nam Bộ.

Tại thị xã Tịnh Biên², tỉnh An Giang - một địa bàn tập trung đông đảo người Khmer sinh sống, trong những năm qua, di cư lao động cũng đã trở thành một trào lưu sôi nổi thu hút sự tham gia của không ít người Khmer tại đây. Xu hướng đi làm ăn xa, đặc biệt là đến các thành phố, các trung tâm công nghiệp trong nước ngày càng phổ biến trong cộng đồng người Khmer ở các xã, phường thuộc thị xã Tịnh Biên. Di cư lao động đã và đang có những tác động không nhỏ đối với bản thân, gia đình người di cư và cộng đồng nơi quê nhà.

Trong những năm gần đây, di cư lao động của người Khmer ở nước ta đã được quan tâm nghiên cứu nhưng vẫn còn hạn chế về số lượng và nội dung. Ngoài một vài dự án về di cư vùng Tây Nam Bộ và di cư lao động của dân tộc thiểu số ở Việt Nam nói chung đề cập đến thực trạng di cư của người Khmer Tây Nam Bộ (Lê Thanh Sang, 2018b; CARE, 2020), mới có một số nghiên cứu về di cư lao động và an sinh xã hội của người Khmer được thực hiện tại tỉnh Trà Vinh và một số điểm nhập cư như Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh (Ngô Thị Phương Lan, 2013; Lê Thị Thu Trang và cộng sự, 2016; Võ Thị Kim Phượng, 2020; Lê Anh Vũ, 2021...).

Một số vấn đề liên quan đến di cư lao động như các nhân tố thúc đẩy, thực trạng và tác động của di cư đã được đề cập đến song chưa được nghiên cứu sâu. Bên cạnh đó, các nghiên cứu được thực hiện trong giai đoạn trước khi đại dịch COVID - 19 bùng phát nên chưa xuất hiện những yếu tố tác động của đại dịch này đối với lao động di cư Khmer. Hơn nữa, đến nay vẫn chưa có nghiên cứu chuyên sâu nào về vấn đề di cư lao động của người Khmer ở tỉnh An Giang nói chung và thị xã Tịnh Biên nói riêng, đặc biệt là khu vực biên giới trong bối cảnh hiện nay.

Trên cơ sở nghiên cứu thực địa tại ba ấp/khóm thuộc xã Văn Giáo và phường An Phú của thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang vào tháng 12/2022 và tháng 6/2023, bài viết tập trung làm rõ thực trạng và những động lực chính dẫn tới di cư lao động của người Khmer ở địa bàn nghiên cứu. Phương pháp nghiên cứu chính được áp dụng trong nghiên cứu này là điền dã dân tộc học với các kĩ thuật cụ thể như quan sát tham dự, phỏng vấn sâu..., kết hợp với điều tra bảng hỏi để tăng thêm thông tin định lượng cho nghiên cứu (150 phiếu điều tra bảng hỏi dành cho các hộ gia đình có người đi làm ăn xa). Địa bàn khảo sát của nghiên cứu này là ba ấp/khóm có đông đồng bào Khmer sinh sống và có tỉ lệ di cư lao động cao thuộc xã nội địa

² Thị xã Tịnh Biên được thành lập theo Nghị quyết số 721/NQ-UBTVQH15 ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Về việc thành lập thị xã Tịnh Biên, các phường thuộc thị xã Tịnh Biên, Thị trấn Đa Phước thuộc huyện An Phú và thị trấn Hội An thuộc huyện Chợ Mới tỉnh An Giang.

Văn Giáo (ấp Srây Skóth, Măng Rò) và phường biên giới An Phú (khóm Phú Tâm). Từ đó, xem xét liệu có sự khác nhau trong chiến lược di cư lao động của người Khmer sinh sống tại hai địa bàn này hay không.

1. Khái quát địa bàn nghiên cứu

Văn Giáo là một xã đặc biệt khó khăn (xã khu vực III) thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi³ của thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Phía đông của xã giáp với xã Ô Long Vĩ (huyện Châu Phú), phía tây giáp xã An Cư, phía Nam giáp xã Vĩnh Trung và phía bắc, tây bắc tiếp giáp hai phường Thới Sơn và An Phú (thị xã Tịnh Biên). Hiện nay, diện tích tự nhiên của xã là 2.716,1ha, trong đó 2.367,7ha là đất nông nghiệp, 346,4ha là đất phi nông nghiệp. Tính đến năm 2021, toàn xã có 1.660 hộ dân với 6.270 nhân khẩu; trong đó dân tộc Khmer chiếm 71,91% (1.156 hộ dân, tương ứng với 4.509 nhân khẩu), cư trú tập trung ở ba ấp: Măng Rò, Đây Cà Hom và Srây Skóth. Sinh kế truyền thống của người Khmer ở Văn Giáo là trồng lúa nước, làm rẫy, chăn nuôi, dệt thổ cẩm (một số hộ ở ấp Srây Skóth), làm đường thốt nốt và làm thuê... (Ban Thường vụ Đảng ủy xã Văn Giáo, 2023, tr. 15, 16). Đến nay, đói nghèo vẫn là một thách thức lớn đối với bà con Khmer nơi đây khi tỉ lệ hộ nghèo vẫn còn ở mức cao. Theo thống kê của chính quyền xã Văn Giáo, tính đến cuối năm 2022, tỷ lệ hộ nghèo của xã là 13,49% (224 hộ), trong đó có 83,3% dân tộc Khmer (186 hộ). Số hộ cận nghèo của toàn xã là 24 hộ, chiếm 1,44% dân số của xã, trong đó hộ nghèo dân tộc Khmer chiếm 29,27%. Số hộ nghèo bảo trợ không có khả năng thoát nghèo của xã là 28 hộ (UBND xã Văn Giáo, 2022).

Với vị trí tiếp giáp xã Văn Giáo, An Phú là một phường biên giới, miền núi thuộc thị xã Tịnh Biên. Phía đông bắc của phường giáp xã Nhơn Hưng, phía nam giáp xã An Cư và Văn Giáo, phía đông giáp thị trấn Nhà Bàng, phía tây nam giáp thị trấn Tịnh Biên, phía tây bắc giáp Vương quốc Campuchia (với đường biên giới dài khoảng 4km). Nằm dọc bờ kênh Vĩnh Tế, An Phú là một địa bàn có vị trí quan trọng về kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, là cửa ngõ biên giới thông thương Việt Nam - Campuchia. Diện tích tự nhiên toàn phường là 2.156,4 ha, trong đó diện tích đất nông nghiệp là 1.895,2ha, diện tích phi nông nghiệp là 261,2ha. Tính đến năm 2021, toàn phường An Phú có 2.356 hộ dân với 8.168 nhân khẩu (Chi cục Thống kê huyện Tịnh Biên, 2021, tr. 11, 24, 30). Người Khmer ở phường An Phú chủ yếu sinh sống tại khóm Phú Tâm (tập trung ở sóc Tà Ngáo) - nơi có vị trí tiếp giáp với biên giới Campuchia. Khóm Phú Tâm là nơi cư trú của 193 hộ dân tộc Khmer, tương ứng với 820 nhân khẩu, chiếm 25,49% dân số của khóm (Chi bộ ấp Phú Tâm, 2022)⁴. Sinh kế chính của bà con Khmer là làm thốt nốt, chăn nuôi bò, buôn bán, làm thuê làm mướn, làm ruộng... So với xã Văn Giáo, tỉ lệ hộ nghèo của phường An Phú không cao. Năm 2022, tỷ lệ hộ nghèo của

³ Theo Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ: *Phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025*.

⁴ Số liệu về hộ Khmer và người Khmer trong ấp vào thời điểm này có sự chênh lệch so với Niên giám thống kê 2021 của Chi cục Thống kê huyện Tịnh Biên.

phường là 1,75% (41 hộ), hộ cận nghèo là 2,9% (68 hộ) và số hộ nghèo, cận nghèo thuộc đối tượng bảo trợ xã hội không có khả năng thoát nghèo, thoát cận nghèo là 9 hộ (UBND xã An Phú, 2022).

2. Thực trạng di cư lao động

Từ những năm 1990, hiện tượng đi làm ăn xa đã bắt đầu xuất hiện trong cộng đồng người Khmer (Võ Công Nguyên, 2011, tr. 56). Tuy nhiên, phải đến đầu thế kỉ XXI, di cư lao động của người Khmer mới bắt đầu trở thành một xu hướng phổ biến ở các tỉnh Tây Nam Bộ (Lê Thanh Sang, 2018). Tại xã Văn Giáo và phường An Phú (thị xã Tịnh Biên), mặc dù người Khmer đã bắt đầu đi làm ăn xa từ khoảng hai mươi năm trước song số lượng còn hạn chế, trào lưu này chỉ thực sự trở nên sôi động trong khoảng hơn chục năm trở lại đây. Người Khmer ở địa bàn nghiên cứu di cư theo cả hai hướng là di cư lao động trong nước và di cư lao động xuyên biên giới. Tuy nhiên, di cư lao động trong nước vẫn là hướng chủ đạo.

2.1. Di cư lao động xuyên biên giới

Người Khmer tại hai xã, phường khảo sát không đi xuất khẩu lao động ra nước ngoài mà chỉ di cư lao động xuyên biên giới. Theo chia sẻ của cán bộ khóm Phú Tâm (An Phú), chỉ tiêu xuất khẩu lao động “năm nào cũng rớt vì bà con rất nhát, không dám đi”. Khác với người Khmer ở các tỉnh nằm sâu trong nội địa, người Khmer ở phường An Phú và xã Văn Giáo sinh sống ở địa bàn thuộc thị xã biên giới, có vị trí địa lí liền kề hoặc khá gần biên giới. Do đó, bên cạnh di cư lao động trong nước, người Khmer tại đây còn tích cực đẩy mạnh di cư lao động xuyên biên giới. Tuy nhiên, so với khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc, các hoạt động kinh tế xuyên biên giới ở vùng biên giới Việt Nam - Campuchia còn hạn chế, sức hút lao động từ bên kia biên giới Campuchia không mạnh nên các hoạt động sinh kế xuyên biên giới của người Khmer tại tuyến biên giới này chưa thực sự sôi động và đa dạng. Do phần lớn các lao động di cư xuyên biên giới sang Campuchia đều đi về trong ngày, di chuyển chủ yếu qua đường mòn lỏi mở nên chính quyền địa phương không thể có thống kê chính xác về lực lượng lao động này.

Tại khóm biên giới Phú Tâm (phường An Phú), trước khi đại dịch COVID-19 bùng phát, các hoạt động sinh kế xuyên biên giới của bà con Khmer phổ biến hơn xã nội địa Văn Giáo. Theo nghiên cứu của tác giả Trần Thị Hồng Yến (2022, tr. 86), trước đây, một số bà con Khmer tại sóc Tà Ngáo đã sang Campuchia thuê đất làm nông nghiệp, theo ước tính có thời điểm hàng trăm hộ dân Khmer ở hai huyện Tri Tôn và Tịnh Biên sang Campuchia thuê đất trồng lúa. Tuy nhiên, kể từ năm 2015, Chính phủ Hoàng gia Campuchia đã ra lệnh cấm người Campuchia ở khu vực biên giới cho người Việt Nam thuê đất làm nông nghiệp (Pav Suy and Ven Rathavong, 2015). Hiện nay, lãnh đạo chính quyền địa phương cho biết không có hiện tượng người Khmer sang bên kia biên giới thuê đất làm nông nghiệp và trước đây, hiện tượng này diễn ra chủ yếu ở người Kinh. Trước khi đại dịch COVID-19 xuất hiện, chợ bò Tà Ngáo là nơi hoạt động mua bán diễn ra rất sôi nổi. Một bộ phận người Khmer trong sóc

đã sang Campuchia mua bò về bán, dắt bò thuê qua biên giới,... Bên cạnh đó, một số bà con Khmer còn qua biên giới làm thuê và buôn bán nhỏ.

Tại xã Văn Giáo, do không nằm giáp biên giới, hoạt động sinh kế với bên kia biên giới có phần trầm lắng hơn. Theo chia sẻ của người dân Văn Giáo, trước khi đại dịch COVID-19 xuất hiện, một số người Khmer tại địa phương có chặt thốt nốt mang qua Campuchia bán, cá biệt một số trường hợp qua Campuchia mò cua, bắt ốc do quá nghèo đói. Bà con cũng chủ yếu đi lại trong ngày, hiếm khi đi qua ngày.

Tuy nhiên, từ đầu năm 2020, đại dịch COVID-19 bùng phát đã làm ngưng trệ toàn bộ các hoạt động làm ăn xuyên biên giới của bà con Khmer. Chợ bò Tà Ngáo cũng phải đóng cửa, ngừng hoạt động do biên giới bị kiểm soát chặt chẽ. Nếu như trước đây bà con chủ yếu buôn bán theo đường tiểu ngạch, dắt bò qua kênh Vĩnh Tế về bán thì hiện nay chỉ có thể mua bán bò qua đường chính ngạch, vận chuyển bằng xe tải qua cửa khẩu. Tại thời điểm nghiên cứu, chợ bò Tà Ngáo đã đóng cửa được ba năm. Bà con trước đây sinh sống dựa vào chợ bò Tà Ngáo giờ buộc phải chuyển hướng sang mua bò ở tỉnh thành khác trong nước về bán để tận dụng danh tiếng của chợ bò Tà Ngáo hoặc đi làm ăn xa ngoại tỉnh. Như vậy, sự xuất hiện của đại dịch COVID-19 đã làm chuyển hướng dòng di cư lao động của Khmer từ di cư xuyên biên giới chuyển về khu vực nội địa. Theo chia sẻ của lãnh đạo phường An Phú, trước năm 2020 người Khmer ở địa phương đi lao động ngoại tỉnh ít, tuy nhiên kể từ khi dịch bệnh bùng phát đến nay xu hướng đi làm ăn ngoại tỉnh trong cộng đồng người Khmer ở phường An Phú có xu hướng tăng lên.

2.2. Di cư lao động trong nước

Tại thời điểm nghiên cứu, mọi hoạt động di cư lao động xuyên biên giới tại tuyến biên giới trên địa bàn thị xã Tịnh Biên đã hoàn toàn ngưng lại. Dòng chảy lao động Khmer di cư đã chuyển hướng vào di cư nội địa. Hiện nay, đi làm ăn xa tại các thành phố, các khu công nghiệp trong nước đã và đang trở thành trào lưu sôi nổi trong cộng đồng người Khmer ở cả xã Văn Giáo và phường An Phú.

Các dữ liệu về di cư lao động trong nước của người Khmer trong nghiên cứu này dựa trên cơ sở số liệu thống kê của chính quyền địa phương, kết quả xử lý điều tra bảng hỏi, kết hợp với thông tin thu được từ các cuộc phỏng vấn sâu chính quyền và người dân địa phương trong hai đợt nghiên cứu thực địa vào tháng 12/2022 và tháng 6/2023. Một điểm đáng lưu ý là số liệu thống kê của chính quyền địa phương chỉ mang tính tương đối vì không bao quát được tất cả các đối tượng di cư lao động, chỉ giới hạn trong nhóm đối tượng có nhu cầu xin xác nhận của chính quyền địa phương để làm hồ sơ xin vào làm công nhân ở các công ty. Đối tượng lao động tự do, chưa đến tuổi lao động hoặc quá tuổi lao động (không cần làm hồ sơ xin việc) thường không khai báo với chính quyền nên cán bộ địa phương không thể thống kê đầy đủ các đối tượng này. Bên cạnh đó, trong quá trình đi làm ăn xa các lao động di cư có thể

chuyển công việc và địa bàn làm việc nên cán bộ địa phương không thể nắm bắt được sự thay đổi này. Tuy nhiên, theo quan sát của tác giả và dựa vào kết quả của các cuộc phỏng vấn sâu thì người Khmer Tỉnh Biên không có xu hướng lao động tự do nhiều, họ không có khuynh hướng ưa thích dịch chuyển điểm đến lao động. Do vậy, thống kê của chính quyền địa phương ở một mức độ nào đó vẫn cung cấp được một bức tranh toàn cảnh, tương đối sát với thực trạng di cư lao động của người Khmer tại đây.

2.2.1. Hình thức di cư lao động

Dựa trên các tiêu chí nhất định, người ta phân di cư, di cư lao động thành nhiều loại khác nhau. Căn cứ theo thời gian di cư, di cư được phân thành: di cư con lắc, di cư theo mùa vụ, di cư tạm thời, di cư lâu dài. Theo không gian, di cư bao gồm di cư quốc tế, di cư trong nước. Dựa vào tính chất tổ chức quản lý sẽ có di cư có tổ chức, di cư không có tổ chức (di cư tự phát, di cư tự do) (Vũ Trường Giang, 2018, tr. 12- 14).

Kết quả điền dã cho thấy, mặc dù xu hướng chung của bà con Khmer ở Văn Giáo và An Phú là đi làm ăn xa nhiều năm nhưng di cư của họ chỉ mang tính chất tạm thời. Bà con đi làm ăn xa đến sống và làm việc tạm thời ở địa phương khác trong một thời gian chưa xác định. Người di cư lao động vẫn giữ hộ khẩu ở quê gốc, gia đình họ (cha mẹ, con cái) vẫn ở tại quê nhà và người di cư luôn giữ một sự kết nối bền chặt với gia đình. Mặc dù chỉ có thể về quê vào những dịp được nghỉ dài như lễ tết nhưng người đi làm ăn xa vẫn coi mình là một thành viên của cộng đồng gốc và hầu như không có ý định ở hẳn nơi làm việc.

Dựa trên tiêu chí tính chất tổ chức quản lý, có thể thấy di cư của người Khmer đều là di cư tự do. Xét theo tiêu chí không gian, hiện nay, bà con Khmer di cư lao động hầu hết là di cư lao động trong nước, trong đó di cư lao động ngoại tỉnh là chủ đạo.

2.2.2. Hướng di cư và điểm đến

Một số nghiên cứu trước đây đã chỉ ra rằng, xu hướng di cư của người Khmer ở Tây Nam Bộ nói chung trong hơn ba thập niên gần đây chủ yếu là di cư nội địa, chỉ giới hạn trong khu vực Nam Bộ là chính, không thấy xuất hiện luồng di cư ngoại vùng (Lê Thanh Sang, 2018a). Thực trạng trên trùng khớp với kết quả nghiên cứu thực địa tại xã Văn Giáo và phường An Phú. Tại địa bàn nghiên cứu, hướng di cư của người Khmer là nội vùng Nam Bộ, không xuất hiện trường hợp di cư lao động vượt ra khỏi phạm vi các tỉnh Nam Bộ. Điều này phần nào cho thấy đặc điểm tâm lý của người Khmer (có phần e ngại vượt ra xa khỏi không gian, môi trường sống quen thuộc của mình) và cũng cho thấy sức hút lớn từ các tỉnh thành, khu công nghiệp trong nội vùng Nam Bộ đối với người Khmer.

Người Khmer tại địa bàn nghiên cứu đại đa số đi làm ăn xa ngoại tỉnh, rất hiếm trường hợp đi làm ăn xa tại các xã, huyện khác trong tỉnh. Theo thống kê của UBND xã Văn Giáo, tính đến cuối năm 2022, số người Khmer trong xã đi làm ăn xa ngoại tỉnh là 3.100 lao động,

phân bố khá đồng đều ở ba ấp có đông người Khmer sinh sống là ấp Đầy Cà Hom, Srây Skôth và Măng Rò. Tại hai ấp khảo sát là ấp Srây Skôth và Măng Rò, tỉ lệ đi làm ăn xa trong cộng đồng người Khmer mỗi ấp ở mức khá cao, lần lượt là 38,32% và 42,47%. Theo chia sẻ của cán bộ và người dân trong xã, hầu như nhà nào cũng có người đi làm ăn xa, 10 hộ thì cũng phải có đến 9 hộ có người đi lao động ngoại tỉnh, thậm chí có gia đình còn có nhiều người đi làm ăn xa. Tại phường An Phú, người Khmer tập trung sinh sống chủ yếu tại sóc Tà Ngáo thuộc khóm Phú Tâm. Theo tính toán dựa trên số liệu thống kê của địa phương, số người Khmer đi làm ăn ngoại tỉnh của khóm là khoảng 230 người, chiếm 28% dân số Khmer của khóm. Như vậy, tỷ lệ lao động ngoại tỉnh của người Khmer tại xã Văn Giáo cao hơn khá nhiều so với tỉ lệ này ở phường An Phú.

Về điểm đến, nếu như dòng di cư của người Khmer ở Trà Vinh thường hướng tới các tỉnh Đông Nam Bộ như Đồng Nai, Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh... (trong đó Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh là những điểm đến ưu tiên nhất) (Ngô Thị Phương Lan, 2013; Võ Thị Kim Phượng, 2020) thì dòng di cư của người Khmer tại các điểm nghiên cứu ở Văn Giáo và An Phú lại có điểm chung là di chuyển chủ yếu đến hai tỉnh Đồng Nai và Long An.

Kết quả khảo sát bảng hỏi 150 hộ gia đình có người đi làm ăn xa ở 3 ấp thuộc hai xã, phường cũng cho thấy sự tương ứng với xu hướng đi làm ăn xa theo thống kê của chính quyền địa phương. Đa số các hộ gia đình được hỏi cho biết, người thân của họ di cư đến Đồng Nai (54%) và Long An (27,3%) làm việc. Tại xã Văn Giáo, thống kê của chính quyền xã cho thấy phần lớn lao động Khmer lựa chọn hai tỉnh này là điểm đến lao động (chiếm khoảng 98% số lao động Khmer đi làm ăn xa), rất ít người lựa chọn đi lao động tại Bình Dương và Thành phố Hồ Chí Minh. Tình hình đi làm ăn xa tại phường An Phú lại cho thấy một bức tranh có phần phong phú hơn về điểm đến lao động. Cán bộ khóm Phú Tâm không có thống kê chi tiết điểm đến của từng người đi làm ăn xa tại sóc Tà Ngáo, tuy nhiên kết quả điều tra bảng hỏi 50 hộ gia đình di cư tại đây cho thấy Đồng Nai, Long An và Bình Dương là những tỉnh có nhiều người Khmer ở Tà Ngáo đến di cư lao động nhất (tỉ lệ di cư tương ứng tới các tỉnh trên là 40%, 18% và 30%), rất ít người đi làm ăn xa tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đặc biệt, một số ít lao động Khmer của ấp còn đến Bình Phước làm việc. Thực trạng này cho thấy người Khmer ở khu vực biên giới An Phú có phần năng động, linh hoạt hơn trong việc đi làm ăn xa. Một giả thuyết đặt ra là: người Khmer vùng biên có tính năng động, khả năng thích nghi và sẵn sàng đến những vùng đất mới cao hơn người Khmer nội địa. Nguyên nhân là do người Khmer vùng biên từ lâu đã tham gia các hoạt động kinh tế cả xuyên biên biên giới và với các địa phương khác trong nước nên họ có tính năng động cao hơn. Người Khmer nội địa trước đây cuộc sống chủ yếu quần quanh trong địa phương, làm nông nghiệp, làm thuê làm mướn tại địa phương là chủ yếu nên có thể tính năng động của họ không bằng người dân vùng biên, họ di cư mang tính cơ cụm ở một số tỉnh thành nhất định.

2.2.3. Đặc điểm của lao động di cư

Về độ tuổi, người đi làm ăn xa trong các gia đình Khmer tại xã Văn Giáo và phường An Phú đa số nằm trong độ tuổi lao động, một bộ phận nhỏ chưa đến tuổi lao động và rất ít người quá tuổi lao động di cư. Tại xã Văn Giáo, hầu hết người trẻ đều đi làm ăn xa từ khá sớm, ở lại địa phương chỉ còn người già và trẻ em. Theo chia sẻ của cán bộ ấp Srây Skôth, *“Ở đây cứ đến tuổi lao động là đi hết, hiếm ở có người ở lại địa phương. Ở xứ mình có gì mà ăn”*. Tương tự, cán bộ ấp Măng Rò cũng cho biết: *“Đến cấp hai, bọn trẻ thường thì đưa nào thích đi học thì cho đi học, đưa nào không thích học thì cho nghỉ luôn đi làm ăn xa cùng cha mẹ. Hết lớp 9 năm nỉ chúng chúng cũng thường nghỉ, đi làm công ty”*. Căn cứ theo số liệu thống kê của UBND xã Văn Giáo, có thể thấy lao động di cư Khmer đa phần nằm trong nhóm tuổi từ 20-49. Tuy nhiên, như trên đã đề cập, người Khmer thường đi làm ăn xa từ rất trẻ, có những thanh thiếu niên thậm chí còn chưa đến tuổi lao động. Trên thực tế, nhóm lao động đi làm ăn xa này cũng chiếm một số lượng tương đối và không có thống kê cụ thể về con số này.

Về giới tính, người Khmer tại địa phương đa phần đi làm ăn xa cùng vợ/chồng (85,3% số người đi làm ăn xa được hỏi đã kết hôn) nên số lượng nam/nữ di cư có thể không chênh lệch nhiều. Bên cạnh đó, đối với nhóm lao động chưa kết hôn, trong cộng đồng người Khmer cũng không có khái niệm trọng nam khinh nữ vì người Khmer theo chế độ mẫu hệ nên khá thoải mái trong vấn đề nữ giới di cư. Nghiên cứu tại địa bàn không phát hiện thấy định kiến dành cho nữ giới di cư. Thống kê lao động đi làm ăn xa ở xã Văn Giáo của chính quyền xã cũng cho thấy không có sự chênh lệch đáng kể giữa nam và nữ di cư.

Trình độ học vấn và tay nghề, lao động Khmer có trình độ học vấn thấp, phần lớn chỉ học cao nhất là hết bậc trung học cơ sở, học xong là đi làm ăn xa luôn, rất hiếm lao động học tới bậc trung học phổ thông. Ngoài ra, cũng có một bộ phận lao động mù chữ hoặc chỉ học đến bậc tiểu học. Kết quả điều tra bảng hỏi 150 hộ gia đình có người đi làm ăn xa cũng cho thấy: 38,7% lao động di cư học tới bậc trung học cơ sở, 36% học hết bậc tiểu học và có đến 21,3% người đi làm ăn xa mù chữ. Trong 150 người đi làm ăn xa được hỏi thông tin thì chỉ có 5 người học đến bậc trung học phổ thông. Theo chia sẻ của lãnh đạo xã Văn Giáo, hàng năm, địa phương có mở các lớp đào tạo nghề và vận động bà con tham gia nhưng tay nghề của lao động dân tộc Khmer nhìn chung vẫn thấp so với người Kinh.

2.2.4. Công việc và thu nhập

Kết quả phỏng vấn lãnh đạo và người dân địa phương kết hợp với thống kê của chính quyền xã cho thấy người Khmer ở An Phú và Văn Giáo trong tuổi lao động đại đa số sẽ đi làm công nhân trong các công ty, khu công nghiệp, họ ít khi làm bên ngoài trừ khi bị công ty sa thải hoặc chưa đủ điều kiện xin vào làm việc. Người Khmer muốn vào làm trong các công ty vì có thu nhập ổn định, có lương, có bảo hiểm. Theo chia sẻ của một cán bộ ấp Srây Skôth: *“Những hộ trong ấp đều đi công ty hết à, tại làm tự do nơi xa xứ người ta không chịu làm,*

người ta vô công ty để được hưởng bảo hiểm, sau này lâu năm ta về quê được mở vốn lo cho gia đình, đến khi cao tuổi thì công ty không cho làm nữa. Làm tự do ngoài địa phương không đảm bảo được lắm”.

Mặc dù 97% số hộ gia đình được hỏi cho biết người thân của họ làm công nhân tại nơi làm ăn xa nhưng phần lớn không nắm được công việc cụ thể mà người di cư đang làm, thậm chí nhiều gia đình còn không nắm được thu nhập của người đi làm ăn xa. Do đó thông tin về công việc và thu nhập được cung cấp một cách chung chung, đa số chỉ cho biết người đi làm ăn xa làm công nhân hay không và làm ở tỉnh nào. Các thông tin về người đi làm ăn xa tại nơi đến được cung cấp một cách không đầy đủ và gián tiếp.

Người Khmer đại đa số đi làm ăn xa theo sự giới thiệu của người thân. Có 94% số hộ gia đình được khảo sát cho biết, họ biết thông tin việc làm qua họ hàng, bạn bè, không có trường hợp nào tìm việc làm qua thông tin trên mạng xã hội, phương tiện thông tin đại chúng hay môi giới lao động. Người Khmer chỉ quyết định di cư khi được người thân giới thiệu và họ đã thấy người đi trước đi làm ăn xa thành công. Như vậy mạng lưới xã hội đóng vai trò lớn đối với quyết định di cư của người Khmer.

Trước khi đi làm ăn xa, phần lớn lao động di cư Khmer trong các gia đình được khảo sát làm thuê, làm mướn tại địa phương (46,7%), 33,3% chưa đi làm, khoảng 10,7% làm nông nghiệp. Tại thời điểm điều tra bằng hỏi (tháng 6/2023), các hộ gia đình cho biết thu nhập phổ biến của người đi làm ăn xa là 5-7 triệu đồng (52%), 3-5 triệu đồng (29,5%), 7-9 triệu đồng (17,3%),... Đối với các lao động chưa đủ tuổi lao động, thu nhập thấp hơn và chưa được đóng bảo hiểm. Người Khmer thường di cư cả vợ chồng vì theo họ đi làm ăn xa hai người mới có dư, họ chỉ tiêu hết tiền lương của một người và còn dư lương của người còn lại. Tuy nhiên, người thân của người đi làm ăn xa cho biết mức thu nhập này đã chịu ảnh hưởng nhiều kể từ khi có dịch COVID-19. Họ bị giảm lương, giảm giờ làm, ngày làm, không tăng ca...

2.2.5. Cuộc sống của lao động di cư

Ở nơi làm ăn xa, phần lớn người Khmer sống cùng vợ/chồng hoặc cùng các con đã lập gia đình (chiếm khoảng 70% số hộ được khảo sát). Những người chưa kết hôn thường sống cùng người thân, họ hàng hoặc một mình. Điểm đáng lưu ý là người Khmer thường có xu hướng thuê nhà kế nhau, cùng một khu trọ để tiện hỗ trợ nhau nơi xa quê. Thực tế có nhiều khu trọ tại Đồng Nai, Long An tập trung rất nhiều người Khmer là đồng hương, họ hàng sinh sống. Một người Khmer đi làm ăn xa đã trở về cho biết: *“Trước em làm ở Long An 3-4 năm rồi đi Đồng Nai do anh chị em ở Đồng Nai nhiều. Lương giống nhau nhưng ở Đồng Nai có anh chị em nhiều, mình khó khăn mình giúp đỡ nhau, mình không có gì ăn coi em gái có gì ăn”* (Nữ 32 tuổi, sóc Tà Ngáo).

Đa số gia đình người đi làm ăn xa hoặc người đi làm ăn xa đã trở về địa phương cho biết trước đại dịch, nguồn thu nhập của họ khá ổn và có dư nếu đi cả hai vợ chồng, chỉ có một số ít không đủ sống. Tuy nhiên, từ khi đại dịch COVID-19 xuất hiện, cuộc sống của lao động di cư người Khmer gặp rất nhiều khó khăn. Tình trạng sa thải, giảm lương, giảm giờ làm, không tăng ca... đã đặt không ít người vào tình thế “về không được, ở không xong”. Trong thời gian dịch bệnh bùng phát, có một lượng lớn lao động Khmer phải quay trở lại địa phương, con số này có thời điểm lên tới hàng nghìn người. Tuy nhiên khi dịch bệnh ổn định, bà con lại tiếp tục di cư lao động.

Người Khmer theo Phật giáo Tiểu thừa và hoạt động tôn giáo có ý nghĩa rất lớn đối với họ. Theo chia sẻ của các gia đình có người di cư, hiện nay ở Long An và Đồng Nai người Khmer đã góp tiền mua đất để xây dựng chùa. Ở tỉnh Đồng Nai, người Khmer đã xây dựng chùa ngay gần công ty họ làm việc. Do đó, bà con Khmer xa quê vẫn có điều kiện để tham gia lễ chùa.

3. Động lực di cư lao động

Qua các phân tích trên có thể thấy, di cư lao động đặc biệt là di cư lao động ngoại tỉnh đã và đang trở thành một xu thế lớn trong cộng đồng người Khmer ở các địa bàn nghiên cứu nói riêng và thị xã Tịnh Biên nói chung. Vậy động lực nào khiến người Khmer tại đây quyết định đi làm ăn xa? Nhìn một cách tổng thể, quyết định đi làm ăn xa của người Khmer chịu sự chi phối của các yếu tố lực hút và lực đẩy.

3.1. Yếu tố lực đẩy

Các yếu tố đóng vai trò lực đẩy cho quá trình di cư của người Khmer chính là các yếu tố bất lợi ở nơi xuất cư, bao gồm: tình trạng đói nghèo, thiếu ruộng đất, thu nhập từ nông nghiệp không đủ sống, khó khăn trong tìm kiếm sinh kế tại địa phương,...

Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng, người Khmer là tộc người nghèo nhất trong các tộc người ở đồng bằng Sông Cửu Long. Tại các tỉnh có đông đồng bào Khmer sinh sống, xét về mức sống cư dân, tỉ lệ hộ nghèo của người Khmer luôn cao hơn các dân tộc khác và cao hơn tỉ lệ nghèo chung của cư dân trong tỉnh (Võ Văn Sen, 2010, tr. 122; Trần Thị Hồng Yến, 2022, tr. 78). Tại địa bàn nghiên cứu, tỉ lệ hộ nghèo dân tộc Khmer vẫn ở mức cao đặc biệt là ở xã Văn Giáo. Tính đến cuối năm 2022, tỉ lệ hộ nghèo của xã là 13,49% (224 hộ), trong đó 83,3% hộ nghèo của xã là hộ dân tộc Khmer (186 hộ). Đói nghèo từ lâu đã trở thành một vấn đề cấp bách đối với bà con Khmer tại đây và trở thành một lực đẩy mạnh mẽ thúc đẩy người Khmer tại địa phương tìm cách thoát khỏi nghèo đói, trong đó di cư lao động là một trong những giải pháp. Tỉ lệ đói nghèo của người Khmer ở hai xã, phường dường như tỉ lệ thuận với tỉ lệ di cư của người Khmer tại hai địa phương.

Bên cạnh đói nghèo, ruộng đất cũng là một trong những vấn đề nan giải, mang tính cấp bách của người Khmer ở thị xã Tịnh Biên nói riêng và người Khmer ở vùng Tây Nam Bộ nói

chung. Thiếu ruộng đất cũng là một trong những lực đẩy chính khiến người nông dân Khmer quyết định rời bỏ không gian sống quen thuộc của mình tới địa bàn khác để kiếm kế sinh nhai. Người Khmer ở Tịnh Biên là những cư dân nông nghiệp với sinh kế truyền thống là làm ruộng, làm rẫy, chăn nuôi... Đối với họ, ruộng đất là tài nguyên thiên nhiên cơ bản trong cuộc đấu tranh sinh tồn đồng thời cũng là tiêu chí chính để phân định người giàu và người nghèo trong cộng đồng người Khmer (Võ Văn Sen, 2010, tr. 39). Tuy nhiên, trong nhiều thập kỉ qua, người Khmer ở Tịnh Biên luôn phải đối mặt với tình trạng không có hoặc thiếu ruộng đất. Một trong những nguyên nhân chính dẫn đến thực trạng này là hậu quả của cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam. Vào những năm 1978 - 1979, khi cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam nổ ra, do nằm ở tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia nên Tịnh Biên đã trở thành một trong những mục tiêu tấn công của địch. Trong bối cảnh đó, nhà nước đã có chủ trương di dời toàn bộ người dân Khmer về tuyến sau (tỉnh Hậu Giang lúc bấy giờ). Khi chiến tranh kết thúc, đồng bào Khmer trở về địa phương nhưng ruộng đất của họ đã bị xáo trộn. *“Nhiều nông dân Khmer không có ruộng đất, thiếu ruộng đất canh tác trở nên những hộ nghèo khó và tranh chấp ruộng đất ở địa phương đã và đang diễn ra rất căng thẳng quyết liệt”* (Võ Văn Sen, 2010, tr. 61). Để giải quyết tình trạng này, trong nhiều thập kỉ qua, thị xã Tịnh Biên đã cố gắng giải quyết vấn đề giao, cấp đất cho người Khmer. Tuy nhiên, vì nhiều lí do khác nhau, người Khmer tiếp tục cầm cố đất, mất ruộng đất và tình trạng không có ruộng đất, thiếu ruộng đất vẫn tiếp tục phổ biến trong cộng đồng Khmer tại địa phương. Thiếu nguồn vốn sinh kế quan trọng nhất, người nông dân Khmer không thể hoạt động sản xuất nông nghiệp tại địa phương. Kết quả khảo sát bảng hỏi 150 hộ gia đình Khmer cũng cho thấy 64,7% các hộ gia đình không có ruộng đất làm nông nghiệp, 16,7% phải cầm cố ruộng đất, chỉ có 13,3% tự đánh giá đủ đất làm nông nghiệp.

Ngoài ra, hoạt động nông nghiệp kém hiệu quả, thu nhập từ nông nghiệp không đủ sống cũng là một nhân tố tác động đến quyết định di cư của người Khmer. Đối với các hộ có ruộng đất, hoạt động nông nghiệp cũng gặp không ít khó khăn. Tại thị xã Tịnh Biên, về cơ bản có hai loại ruộng là ruộng gò (ruộng trên) và ruộng bưng (ruộng dưới). Ruộng gò nằm dưới chân núi và chạy dọc theo các dãy núi, chỉ canh tác được một vụ vào mùa mưa, năng suất rất thấp. Ruộng bưng là ruộng ở vùng trũng thấp, bị ngập nước từ tháng 8 đến tháng 11 và bị nhiễm phèn. Đến nay nhờ khai hoang, rửa phèn, xây dựng hệ thống thủy lợi nên Tịnh Biên đã cải tạo ruộng đồng và trồng được 2-3 vụ lúa màu (Võ Công Nguyên, 2011, tr. 41). Tuy vậy, về cơ bản, ruộng đất ở Tịnh Biên cằn cỗi, thường xuyên gặp tình trạng thiếu nước, nhiễm phèn... nên sản xuất nông nghiệp rất khó khăn, kém hiệu quả. Thu nhập từ nông nghiệp rất thấp, thậm chí người nông dân phải chịu lỗ khi giá phân và giá thuốc trừ sâu cao.

Yếu tố lực đẩy cuối cùng và cũng là yếu tố mang tính quyết định buộc người Khmer phải đi làm ăn xa là những bất ổn trong tìm kiếm sinh kế tại địa phương. Tình trạng không có việc làm ngày càng trở nên phổ biến khiến người Khmer không thể tiếp tục bám trụ lại quê

nhà. Trước đây, người Khmer không có ruộng đất còn có thể làm thuê tại địa phương với các công việc như: cắt lúa, làm cỏ, xị thuốc thuê,... Tuy nhiên, hiện nay do quá trình cơ giới hóa nông nghiệp, máy móc được sử dụng nhiều nên bà con không thể kiếm được việc làm thuê tại địa phương. Một số ít nam giới có thể đi làm thợ hồ với thu nhập ít ỏi nhưng phụ nữ hoàn toàn không có việc làm, họ ở nhà nội trợ và không có thu nhập. “*Ở xứ này có gì mà ăn*”, “*Có gì mà ăn đâu*”... là những câu nói khá quen thuộc của các hộ gia đình Khmer tại đây. Trước đây người Khmer tại sóc Tà Ngáo đi làm ăn xa không nhiều do tại địa phương vẫn có nhiều việc làm nhờ chợ bò Tà Ngáo mang lại. Tuy nhiên, kể từ khi đại dịch COVID-19 bùng phát, bà con Khmer mất đi sinh kế quan trọng. Không có việc làm, không có thu nhập để duy trì cuộc sống trở thành lực đẩy mạnh mẽ buộc người Khmer ở Tỉnh Biên phải lựa chọn cho mình một chiến lược sinh kế mới - chiến lược di cư lao động. Kết quả xử lý bảng hỏi cho thấy, 42% số người đi làm ăn xa là do không tìm được việc làm tại địa phương, 53,3% do thu nhập tại địa phương thấp.

3.2. Yếu tố lực hút

Các nhân tố đóng vai trò lực hút đối với di cư lao động của người Khmer ở Tỉnh Biên là những điều kiện thuận lợi ở nơi đến. Đó là cơ hội việc làm, thu nhập tốt hơn, yêu cầu về công việc giản đơn,... Sự xuất hiện của nhiều công ty, nhà máy, các khu công nghiệp ngay tại các tỉnh Nam Bộ như Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Long An... với những đòi hỏi giản đơn về trình độ học vấn, trình độ tay nghề đã thu hút người Khmer, giúp họ bứt phá ra khỏi cộng đồng quen thuộc của mình để đi làm ăn xa, tìm một kế mưu sinh khác. Đa số các lao động chọn di cư đến Đồng Nai và Long An vì xin việc dễ, không đòi hỏi nhiều về tay nghề, trình độ học vấn. Theo một số người đi làm ăn xa đã trở về địa phương, các công ty ở Đồng Nai, Long An dễ xin vào làm hơn ở Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh,... Do nhu cầu lao động cao nên các công ty ở Đồng Nai, Long An thậm chí nhận cả lao động không biết chữ, chưa đủ tuổi lao động (lương thấp hơn và không có bảo hiểm).

Bên cạnh có nhiều cơ hội việc làm, yêu cầu công việc giản đơn, mức thu nhập làm công nhân ở các tỉnh này được người Khmer đánh giá là khá ổn (khi chưa chịu ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19). Kết quả điều tra bảng hỏi cho thấy có đến 84% lao động di cư lựa chọn địa điểm đi làm ăn xa là vì ở đó có thu nhập tốt hơn ở quê nhà. Nhìn chung, kinh tế vẫn là động lực chính, thôi thúc người Khmer di cư lao động.

Bên cạnh hai yếu tố chính là lực đẩy ở nơi xuất cư và lực hút ở nơi đến, quyết định di cư lao động của người Khmer còn chịu sự chi phối của mạng lưới xã hội (đồng tộc, thân tộc) của họ. Mạng lưới xã hội đóng vai trò là một động lực quan trọng thúc đẩy quyết định di cư lao động của người Khmer. Nghiên cứu thực tế cho thấy, hầu như người Khmer chỉ quyết định đi làm ăn xa nếu có sự giới thiệu của họ hàng, bà con đồng tộc và họ cũng chỉ di cư tới những nơi đồng tộc, thân tộc của họ đang sinh sống và làm việc. Sự sẵn sàng hỗ trợ của người thân nơi quê nhà cũng tạo nên một hậu phương vững chắc thúc đẩy người Khmer di cư lao động.

Kết luận

Có thể nói, di cư lao động đặc biệt là di cư lao động ngoại tỉnh đã và đang trở thành một trào lưu lớn trong cộng đồng người Khmer ở thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Hướng di cư chủ yếu của người Khmer là tới các thành phố, các khu công nghiệp trong nội vùng Nam Bộ. Loại hình di cư lao động của họ là di cư tự do, mang tính tạm thời. Công việc phổ biến của lao động Khmer di cư là làm công nhân. Trong quá trình di cư của người Khmer, mạng lưới xã hội đóng một vai trò vô cùng quan trọng và những khó khăn ở quê nhà đóng vai trò là động lực chính dẫn tới di cư lao động. Đối với người Khmer, kinh tế là động lực di cư chủ yếu, hầu như không ghi nhận sự xuất hiện của các động lực phi kinh tế.

Trong những năm qua, bên cạnh mặt tích cực là giải quyết được vấn đề việc làm, đáp ứng nhu cầu sống cơ bản, cải thiện thu nhập..., di cư lao động cũng tiềm ẩn không ít rủi ro, thách thức đối với các cá nhân, hộ gia đình người Khmer di cư và địa bàn xuất cư. Kể từ khi đại dịch COVID - 19 bùng phát đã tác động không nhỏ đến cuộc sống cũng như sinh kế của lao động Khmer di cư. Tình trạng giảm lương, giảm giờ làm, sa thải nhân viên... đang diễn ra và chưa có dấu hiệu kết thúc trong bối cảnh nền kinh tế hậu COVID-19 ở Việt Nam hiện nay. Thực tế này đặt ra câu hỏi về tính bền vững của chiến lược sinh kế này. Trong tương lai, di cư lao động liệu có thể vẫn tiếp tục là một chiến lược sinh kế của người Khmer ở thị xã Tịnh Biên hay cần có một chiến lược mới thay thế là một vấn đề đang đặt ra ở đây.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Thường vụ Đảng ủy xã Văn Giáo (2023), *Lịch sử Đảng bộ xã Văn Giáo 1945-2020*.
2. CARE (2020), *Lao động di cư trong cộng đồng dân tộc thiểu số: Thực trạng và hàm ý chính sách*, trên trang <https://www.care.org.vn/project/bao-cao-tom-luoc-ve-lao-dong-di-cu-trong-cong-dong-dan-toc-thieu-so-thuc-trang-va-ham-y-chinh-sach/?lang=vi> (Truy cập ngày 3/8/2021).
3. Chi bộ ấp Phú Tâm (2022), *Báo cáo chính trị của Chi bộ ấp Phú Tâm nhiệm kỳ 2020-2022 trình đại hội nhiệm kỳ 2022- 2025*, ngày 12/10/2022.
4. Chi cục Thống kê huyện Tịnh Biên (2021), *Niên giám thống kê năm 2021*.
5. Vũ Trường Giang (2018), *Di cư xuyên biên giới của các tộc người thiểu số ở vùng Tây Bắc Việt Nam*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
6. Ngô Thị Phương Lan (2013), “Bất ổn sinh kế và di cư lao động của người Khor-me ở Đồng bằng Sông Cửu Long”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 4, tr. 11- 21.
7. Pav Suy and Ven Rathavong (2015), *PM Bans Land Leasing Along Border*, *Khmer Times*, November 15, <https://www.khmertimeskh.com/6659/pm-bans-land-leasing-along-border/> (Truy cập ngày 12/09/2023).

8. Võ Thị Kim Phượng (2020), *Di cư của người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh phát triển và hội nhập hiện nay: Nghiên cứu trường hợp xã Tân Hiệp, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh*, Luận văn thạc sĩ Nhân học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
9. Lê Thanh Sang (2018a), “Động thái dân số và di cư của người Khmer nhìn từ các cuộc điều tra quốc gia: 1979- 2015”, *Tạp chí Khoa học xã hội*, số 2, tr. 1- 14.
10. Lê Thanh Sang (2018b), *Vấn đề dân số và di dân trong phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ*, Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Nhà nước, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ, Thành phố Hồ Chí Minh.
11. Võ Văn Sen (Chủ biên) (2010), *Một số vấn đề cấp bách trong quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa của người Khmer ở Đồng bằng Sông Cửu Long*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
12. Tổng cục Thống kê (2020), *Kết quả toàn bộ Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
13. Ngô Thị Thu Trang và các cộng sự (2016). “Thích ứng sinh kế của người nhập cư Khmer tại quận ven đô: Điển cứu tại phường Bình Trị Đông B và phường An Lạc, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ*, tập 19, số X2, tr. 89-104.
14. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2023), *Nghị quyết số 721/NQ- UBTVQH15 ngày 13 tháng 02 năm 2023 về việc thành lập thị xã Tịnh Biên, các phường thuộc thị xã Tịnh Biên, thị trấn Đa Phước thuộc huyện An Phú và thị trấn Hội An thuộc huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang*.
15. Ủy ban nhân dân xã Văn Giáo (2022), *Báo cáo tình hình kinh tế- xã hội năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đầu năm 2023*, Số: 200/BC - UBND ngày 09/11/2022.
16. Ủy ban nhân dân xã An Phú (2022), *Báo cáo tình hình thực hiện kinh tế- xã hội năm 2022 và nhiệm vụ năm 2023*, Số: 123/BC-UBND ngày 18 /11/2022.
17. Lê Anh Vũ (2021), *Hỗ trợ sinh kế đối với người lao động Khmer nhập cư từ thực tiễn tỉnh Bình Dương*, Luận án tiến sĩ Công tác xã hội, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
18. Trần Thị Hồng Yến (2022), “Bàn thêm về thực trạng và nguyên nhân nghèo đói ở người Khmer tỉnh An Giang”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 6, tr. 76 - 90.